

Bản án số: 59/2023/HS-ST  
Ngày: 21/9/2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Nguyên Tùng;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đinh Công Danh và ông Nguyễn Ngọc Uyên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Linh – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:** Ông Lê Trung Nghĩa – Kiểm sát viên Trung cấp.

Vào ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 58/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2023 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Thanh N**, sinh ngày 12 tháng 10 năm 2004; tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: **Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên**; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; con ông **Nguyễn Bá K**, sinh năm 1980 và bà **Lương Thị L**, sinh năm 1985; tiền án, tiền sự: Không; tạm giam từ ngày 08/01/2023 tại Nhà tạm giữ **Công an huyện T**; có mặt.

**2. Nguyễn Hữu T**, sinh ngày 21 tháng 5 năm 2003; tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: **Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên**; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; con ông **Nguyễn Hữu T1**, sinh năm 1978 và bà **Phan Thị Bích P**, sinh năm 1978; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

**- Bị hại:** **Lê Văn T2**, sinh năm 2003. Nơi cư trú: Nơi cư trú: **Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên**; có mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Nguyễn Quốc H, sinh năm 1999. Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

2. Lê Ngọc Q, sinh năm 2007. Người giám hộ của Lê Ngọc Q là anh Trần Văn C, sinh năm 2004 (anh họ Q). Cùng nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

3. Lương Thị L, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

- Người làm chứng:

1. Lê Thái Q1, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

2. Phạm Thị Thu L1, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

3. Lê Thị Tú C1, sinh năm 2003. Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

4. Hờ Diễm, sinh năm 1998. Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

5. Lê Thị Tuyết T3, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

6. Ngô Thị T4, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 04/01/2023, sau khi nhậu cùng Nguyễn Hữu T và Lê Ngọc Q. Nguyễn Thanh N đi bộ trên đường bê tông thuộc thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên thì gặp Lê Văn T2 trú cùng thôn, do có mâu thuẫn từ trước nên N và T2 xảy ra cãi vã, dùng tay, chân đánh nhau, được mọi người can ngăn nên T2 về nhà còn N đến nhà Nguyễn Quốc H trú cùng thôn. Khoảng 05 phút sau, T chờ Q cùng đến nhà H, N kể lại việc bị đánh cho T, Q nghe rồi đi vào nhà bếp của H lấy 01 con dao mang lên và nói “Bữa nay tao đâm chết thằng Tuy luôn”. Thấy vậy, H giật lấy con dao rồi chở N về nhà. Khoảng 15 phút sau, N cầm theo 01 con dao khác quay lại nhà H và nói sẽ tìm Tuy để đâm. H và Q can ngăn, lấy con dao rồi chở N về nhà. N tiếp tục lấy con dao bằng kim loại màu trắng bạc dài 23cm,



mũi nhọn bỏ vào túi quần rồi đi qua nhà H gặp T và Q. N lấy con dao để trên bàn, sau đó lấy cất dao vào túi quần. Nhân nhiều lần rủ T đi đánh T2 thì T đồng ý. N điều khiển xe mô tô của N chở T đến nhà T2. Nhân vào sân nhà gặp ông Lê Thái Q1 (cha của T2) hỏi T2 có nhà không, ông Q1 nói Tuy không có ở nhà, N đi ra đường thì T2 từ trong nhà cầm dùi cui điện chạy ra bấm phát ra tiếng “tạch tạch” rồi dí dùi cui vào vùng lưng ghi, đè người Nhân xuống, N đang tư thế khom người, dùng tay phải lấy con dao trong túi quần ra đâm 01 cái trúng vào vùng bụng trái của T2, T xông vào định đánh Tuy thì ông Q1 can ngăn đẩy ra. Tuy bị thùng phước mặc thành, thùng 05 đoạn hông tràng kích thước từ 0,3cm đến 01cm, mặc treo hông tràng rách chảy máu, được đưa đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh P.

Kết luận giám định pháp y về thương tích số 02 ngày 07/01/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh P kết luận, tỷ lệ thương tích của Lê Văn T2 là 51%. Vật tác động: Vật sắc nhọn.

Kết luận giám định pháp y về thương tích (bổ sung) số 38 ngày 21/02/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh P kết luận, tỷ lệ thương tích của Lê Văn T2 là 53%. Vật tác động: Vật sắc nhọn.

Tại bản Cáo trạng số 64/CT-VKSPY-P1 ngày 29/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên, truy tố Nguyễn Thanh N, Nguyễn Hữu T về tội “Giết người” theo Khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự.

**Tại phiên tòa**, các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng đều khai về tình tiết vụ án như đã khai tại Cơ quan điều tra, thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố là đúng.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên các bị cáo Nguyễn Thanh N, Nguyễn Hữu T phạm tội “Giết người”;

*Về hình phạt:* Áp dụng Khoản 2 Điều 123; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 15; Khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Thanh N và Nguyễn Hữu T; thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Hữu T; phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh N từ 07 năm đến 08 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 08/01/2023. Bị cáo Nguyễn Hữu T từ 04 năm đến 05 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

*Về trách nhiệm bồi thường dân sự:* Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 585, 587, 590 Bộ luật Dân sự;

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị hại **Lê Văn T2** với các bị cáo **Nguyễn Thanh N** và **Nguyễn Hữu T**. Buộc bị cáo **Nguyễn Thanh N** phải tiếp tục liên đới bồi thường cho bị hại **Lê Văn T2** số tiền 61.450.161đ (Sáu mươi một triệu bốn trăm năm mươi nghìn một trăm sáu mươi đồng). Buộc bị cáo **Nguyễn Hữu T** phải tiếp tục liên đới bồi thường cho bị hại **Lê Văn T2** số tiền 30.725.080đ (Ba mươi triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn không trăm tám mươi đồng). **T5** trả cho bị hại **Lê Văn T2** số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) do bị cáo **Nguyễn Hữu T** đã nộp tại Biên lai số 0003046 ngày 11/9/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

*Về xử lý vật chứng:* Áp dụng Điểm a, Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm a, c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) con dao bằng kim loại màu trắng bạc dài 23cm, phần cán bằng kim loại dài 12cm, rộng 02cm; phần lưỡi dài 11cm, rộng 1,6cm; mũi nhọn; 01 (Một) con dao Thái Lan dài 21,5cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 11,5cm, rộng 1,8cm; phần cán bằng nhựa màu vàng dài 10cm, rộng 1,8cm; mũi dao bị gãy; 01 (Một) con dao Thái Lan dài 28,5cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 16,5cm, rộng 05cm; phần cán bằng nhựa màu đen dài 12cm, rộng 03cm, mũi nhọn

Các bị cáo **Nguyễn Thanh N**, **Nguyễn Hữu T** phải chịu án phí và được quyền kháng cáo theo quy định của luật.

Các bị cáo, bị hại không tranh luận gì, đều xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án không bị khiếu nại gì. Việc điều tra, thu thập chứng cứ của Cơ quan điều tra đã được thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định, nên các chứng cứ thu thập được đều đảm bảo giá trị chứng minh và hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa, vắng mặt 02/03 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; 02/06 người làm chứng. Nhưng xét thấy, những người này đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử, không ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án. Do đó, chấp



nhận ý kiến của các bị cáo, bị hại và Kiểm sát viên, căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Sau khi tổng hợp, kiểm tra, đánh giá đầy đủ, khách quan, toàn diện mọi chứng cứ đã thu thập được về vụ án, thấy rằng: Lời khai nhận tội của các bị cáo **Nguyễn Thanh N**, **Nguyễn Hữu T** tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa đều phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng; phù hợp với biên bản, sơ đồ, bản ảnh hiện trường; vật chứng thu giữ, các bản kết luận giám định thương tích và các tài liệu là chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 04/01/2023, tại **thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên**; do có mâu thuẫn với nhau nên **Nguyễn Thanh N** và **Nguyễn Hữu T** đã thống nhất cùng đi đánh **Lê Văn T2**, khi đến nhà **T2**, bị **T2** dùng dùi cui điện dí vào người **N** trước, nên **N** dùng con dao dài 23cm đâm vào bụng bên trái của Tuy làm thủng phúc mạc thành, thủng 05 đoạn hồng tràng, mạc treo hồng tràng rách chảy máu, phải cắt đoạn hồng tràng dài 10cm. Bị hại **Lê Văn T2** được đưa đi cấp cứu, điều trị kịp thời nên không nguy hiểm đến tính mạng, nhưng bị thương tích, tỷ lệ 53%. Do đó, bản Cáo trạng số: 64/CT-VKSPY-P1 ngày 29/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên truy tố các bị cáo **Nguyễn Thanh N**, **Nguyễn Hữu T** về tội “Giết người” theo Khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[3] Xét tính chất, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Hội đồng xét xử, thấy:

[3.1] Bị cáo **Nguyễn Thanh N** là người trực tiếp dùng dao đâm vào vùng bụng bên trái, là vùng trọng yếu trên cơ thể của bị hại là rất nguy hiểm, có thể dẫn đến hậu quả chết người, nhưng vẫn thực hiện là bất chấp pháp luật, xem thường tính mạng người khác, nên cần xử phạt nghiêm. Tuy nhiên, vụ án xảy ra có phần lỗi của bị hại đã ghì đè, dí dùi cui điện vào người bị cáo trước, dẫn đến giằng co và bị cáo dùng dao đâm bị hại; mặt khác bị cáo tuổi đời còn trẻ, có nhân thân tốt, lần đầu vi phạm pháp luật, sau khi phạm tội luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã lo chi phí thuốc men, chữa trị thương tích, bồi thường cho bị hại 22.000.000 đồng, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo có bà cao **Châu Thị C2** được tặng Danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng, có ông cố **Nguyễn T6** là liệt sỹ và phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt, nên chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đồng thời áp dụng Điều 54; Điều 15; Khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt cho phù hợp.

[3.2] Bị cáo **Nguyễn Hữu T** là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo cũng nhận thức rõ hành vi xâm phạm đến sức khỏe của người khác là nguy hiểm và bị pháp luật nghiêm cấm; thế nhưng khi được bị cáo **N** rủ đi

tìm người bị hại để đánh, đã tích cực tham gia, nên cần xử phạt thỏa đáng cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục và ngăn ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, bị cáo tuổi đời còn trẻ, có nhân thân tốt, lần đầu vi phạm pháp luật trong vụ án đồng phạm nhưng tính chất phạm tội không đáng kể, sau khi phạm tội luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường cho bị hại 13.000.000 đồng, được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt, nên Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đồng thời áp dụng Điều 54; Điều 15; Khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự để lượng hình và hình phạt thấp hơn bị cáo **N** là có căn cứ chấp nhận.

[4] Trách nhiệm bồi thường dân sự: Theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 585, 587, 590 Bộ luật Dân sự, thì các bị cáo là người phải bồi thường đầy đủ, kịp thời, toàn bộ mọi thiệt hại do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra; nhưng có thể thỏa thuận về mức độ, hình thức, phương thức bồi thường với người bị hại.

Người bị hại **Lê Văn T2** có đơn yêu cầu các bị cáo phải bồi thường các khoản thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm số tiền 127.175.241 đồng; bị cáo **Nguyễn Thanh N** đã bồi thường 22.000.000 đồng, bị cáo **Nguyễn Hữu T** đã bồi thường 13.000.000 đồng, còn lại 92.175.241 đồng yêu cầu các bị cáo tiếp tục liên đới bồi thường.

Tại phiên toà, giữa bị hại với các bị cáo thỏa thuận, bị cáo **Nguyễn Thanh N** là người trực tiếp gây ra thương tích cho bị hại, nên phải bồi thường theo phần nhiều hơn, tương ứng với 2/3 của số tiền bồi thường còn lại, là 61.450.161 đồng, bị cáo **Nguyễn Hữu T** phải bồi thường theo phần ít hơn, tương ứng với 1/3 của số tiền bồi thường còn lại, là 30.725.080 đồng. Do đó, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo với bị hại là có căn cứ, nên chấp nhận.

Số tiền 10.000.000 đồng do bị cáo **Nguyễn Hữu T** đã nộp tại Biên lai số 0003046 ngày 11/9/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên, tuyên trả cho bị hại **Lê Văn T2**.

[5] Về xử lý vật chứng: 01 (một) con dao bằng kim loại màu trắng bạc dài 23cm, phần cán bằng kim loại dài 12cm, rộng 02cm; phần lưỡi dài 11cm, rộng 1,6cm; mũi nhọn; 01 (Một) con dao Thái Lan dài 21,5cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 11,5cm, rộng 1,8cm; phần cán bằng nhựa màu vàng dài 10cm, rộng 1,8cm; mũi dao bị gãy; 01 (Một) con dao Thái Lan dài 28,5cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 16,5cm, rộng 05cm; phần cán bằng nhựa màu đen dài 12cm, rộng



03cm, mũi nhọn; là vật trực tiếp liên quan đến tội phạm, không còn giá trị sử dụng và không sử dụng được, nên chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên tịch thu tiêu hủy theo Điểm a, Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm a, c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các vật chứng đều có đặc điểm như mô tả tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/9/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

[6] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Thanh N và Nguyễn Hữu T bị kết án, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Thanh N còn phải tiếp tục bồi thường 61.450.161 đồng x 5%, nên phải chịu 3.072.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm; bị cáo Nguyễn Hữu T còn phải tiếp tục bồi thường 30.725.080 đồng x 5%, nên phải chịu 1.536.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Lê Văn T2 có hành vi dùng dùi cui điện dí vào lưng và đập vào xe của Nguyễn Thành N1 nhưng chưa gây thương tích và không gây thiệt hại về tài sản nên hành vi không cấu thành tội phạm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thanh N và Nguyễn Hữu T phạm tội “Giết người”.

**1. Về Hình phạt:** Áp dụng Khoản 2 Điều 123; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 15; Khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự; phạt:

**1.1.** Bị cáo Nguyễn Thanh N 06 (S) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 08/01/2023.

**1.2.** Bị cáo Nguyễn Hữu T 02 (Hai) năm 06 (S) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

**2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự:** Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 585, 587, 590 Bộ luật Dân sự;

**2.1.** Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị hại Lê Văn T2 với các bị cáo Nguyễn Thanh N và Nguyễn Hữu T. Buộc bị cáo Nguyễn Thanh N phải tiếp tục liên đới bồi thường cho bị hại Lê Văn T2 số tiền 61.450.161đ (Sáu mươi một triệu bốn trăm năm mươi nghìn một trăm sáu mươi đồng). Buộc bị cáo Nguyễn

**Hữu T** phải tiếp tục liên đới bồi thường cho bị hại **Lê Văn T2** số tiền 30.725.080đ (Ba mươi triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn không trăm tám mươi đồng).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.*

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**2.2. T5** trả cho bị hại **Lê Văn T2** số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) do bị cáo **Nguyễn Hữu T** đã nộp tại Biên lai số 0003046 ngày 11/9/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

**3. Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điểm a, Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm a, c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) con dao bằng kim loại màu trắng bạc dài 23cm, phần cán bằng kim loại dài 12cm, rộng 02cm; phần lưỡi dài 11cm, rộng 1,6cm; mũi nhọn; 01 (Một) con dao Thái Lan dài 21,5cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 11,5cm, rộng 1,8cm; phần cán bằng nhựa màu vàng dài 10cm, rộng 1,8cm; mũi dao bị gãy; 01 (Một) con dao Thái Lan dài 28,5cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 16,5cm, rộng 05cm; phần cán bằng nhựa màu đen dài 12cm, rộng 03cm, mũi nhọn

Vật chứng đều có đặc điểm như mô tả tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/9/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh P** với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

**4. Về án phí:** Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo **Nguyễn Thanh N**, **Nguyễn Hữu T** mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo **Nguyễn Thanh N** phải chịu 3.072.500đ (Ba triệu không trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng); bị cáo **Nguyễn Hữu T** phải chịu 1.536.200đ (Một triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn hai trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.



**5. Quyền kháng cáo:** Các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận: TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Tòa án nhân dân cấp cao (1);
- VKSND cấp cao (1);
- VKSND tỉnh (2);
- PV 06 (1);
- PC 01 (1);
- Sở tư pháp (1);
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- P.KTNV;
- Lưu AV, HS;

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Nguyên Tùng**